ĐỢT KHAI THÁC THUỘC ĐỊA LẦN THỨ NHẤT (1897-1914)

Từ cuối thế kỉ XIX, phong trào vũ trang khởi nghĩa từ Nam chí Bắc sau khi Hàm Nghi xuất binh và phát hịch Cần Vương đã tàn lụi dần với sự thất bại của cuộc khởi nghĩa Hương Sơn (1896). Một số thổ hào địa phương nổi dậy ngay từ khi thực dân Pháp mới đặt chân tới đất nước ta đến nay tuy vẫn còn cố gắng cầm cự, nhưng cũng chỉ đóng khung trong phạm vi nhỏ hẹp từng vùng và trên con đường tan rã.

Từ cuối thế kỉ XIX, phong trào vũ trang khởi nghĩa từ Nam chí Bắc sau khi Hàm Nghi xuất binh và phát hịch Cần Vương đã tàn lụi dần với sự thất bại của cuộc khởi nghĩa Hương Sơn (1896). Một số thổ hào địa phương nổi dậy ngay từ khi thực dân Pháp mới đặt chân tới đất nước ta đến nay tuy vẫn còn cố gắng cầm cự, nhưng cũng chỉ đóng khung trong phạm vi nhỏ hẹp từng vùng và trên con đường tan rã. Duy có cuộc khởi nghĩa của nông dân Yên Thế do Đề Thám (Hoàng Hoa Thám) lãnh đạo trong tình thế bị bao vây o ép nên đến tháng 12 - 1897 buộc phải đình chiến lần thứ hai với kẻ thù. Thực dân Pháp cố tranh thủ thời gian này chuẩn bị mọi điều kiện chờ ngày triệt hạ pháo đài cuối cùng của phong

trào khởi nghĩa của nhân dân ta. Về phía nghĩa quân thì những hoạt động cuối cùng từ 1909 đến 1913 cũng chỉ là những đợt sóng cuối cùng của một cao trào yêu nước chống xâm lược của nhân dân ta mà thôi.

Thực dân Pháp như vậy về căn bản đã hoàn thành công cuộc bình định Việt Nam về mặt quân sự, và trong bối cảnh đó đã có thể bắt tay vào khai thác thuộc địa Việt Nam nói riêng cũng như Đông Dương nói chung một cách quy mô.

Ngày 22-3-1897, Toàn quyền Đông Dương Pôn Đume (Paul Doumer) gửi cho Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp dự án chương trình hoạt động:

> "1. Tổ chức một chính phủ chung cho toàn Đông Dương và tổ chức bọ máy cai trị hành chính riêng cho từng "xứ" thuộc Liên bang.
>
> 2. Sửa đổi lại chế đợ tài chính, thiết lập một hệ thống thuế khóa mới sao cho phù hợp với yêu cầu của ngân sách, nhưng phải dựa trên cơ sở xã hội cụ thể, và phải chú ý khai thác những phong tục, tập quán của dân Đông Dương.
>
> 3. Chú ý xây dựng thiết bị lớn cho Đông Dương, như xây dựng hệ thống đường sắt, đường bộ, sông đào, bến cảng... rất cần thiết cho công cuộc khai thác.

4. Đẩy mạnh nền sản xuất và thương mại bằng việc phát triển công cuộc thực dân của người Pháp và lao động của người bản xứ.

5. Bảo đảm phòng thủ Đông Dương bằng việc thiết lập những căn cứ hải quân và phải tổ chức quân đội và hạm đội cho thật vững mạnh.

6. Hoàn thành công cuộc bình định xứ Bắc Kì, bảo đảm an ninh vùng biên giới Bắc Kì.

7. Khuếch trương ảnh hưởng của nước Pháp, mở rộng quyền lợi của nước Pháp ở vùng Viễn Đông, nhất là ở các nước lân cận".

Đume rất am hiểu tình hình Đông Dương vì đã từng là nghị sĩ giữ chức Thượng thư Tài chính trong Chính phủ Pháp và là báo cáo viên những dự án luật thanh toán tạm thời và tổng thanh toán tài chính Bắc và Trung Kì. Chương trình khai thác do Đume vạch ra để thi hành ở Đông Dương (chủ yếu là Việt Nam) từ những năm đầu thế kỉ XX có mục đích tối thượng là biến gấp Đông Dương thành một thuộc địa khai khẩn bậc nhất, bảo đảm siêu lợi nhuận cao nhất cho đế quốc Pháp.

Sênô (Jean Chesneaux) trong cuốn *Đóng góp vào lịch sử dân tộc Việt Nam* đã đánh giá cao Dume:

“Chính ông đã đưa chế độ thuộc địa từ giai đoạn kinh nghiệm chủ nghĩa hầu như “thủ công" sang giai đoạn tổ chức hệ thống. Chính ông đã tạo dựng bộ máy thống nhất về bóc lột tài chính và đàn áp chính trị trong thực tế sẽ được duy trì nguyên vẹn đến tận 1945”

1. Một bộ máy hành chính cai trị chặt chẽ

Mới đặt chân sang Việt Nam được vài tuần, Đume đã gửi về Bộ Thuộc địa một bản báo cáo tổng quát về tình hình Đông Dương:

“Hiện nay tình hình chinh trị toàn cõi Đông Dương không một nơi nào đáng lo ngại hay quá bi đát. Thực tế, tại nhiều nơi cũng có những khó khăn có thể sẽ trầm trọng thêm; nhân dân toàn xứ đều như đã khuất phục dưới quyền thống trị của chúng ta, nhưng chưa phải đã thấm nhuần tính chất vĩnh viễn của nền đô hộ Pháp và sẵn sàng nắm lấy một thời cơ thuận lợi hay một giây phút yếu đuối của chúng ta để lật đổ ách nặng trên đầu”

Để phục vụ kịp thời và đắc lực cho công cuộc khai thác và bóc lột kinh tế, Đume chú ý tới hai yếu tố chính trị “chia để trị” và “dùng người Việt trị người Việt”.

Một mặt, Đume tìm mọi cách chia cắt đất nước, chia rẽ dân tộc Việt Nam hòng phân tán lực lượng để dễ bề cai trị. Nhưng mặt khác, ông

ta lại quan tâm đến sự thống nhất của bộ máy thuộc địa toàn Đông Dương. Đó là sự phức tạp trong tính chất hai mặt của một chính sách thâm độc.

Theo sắc lệnh ngày 17-10-1887, thực dân Pháp thành lập Liên bang Đông Dương, năm đó mới bao gồm có Bắc Kì, Trung Kì, Nam Kì và Campuchia, trực thuộc Bộ Hải quân và Thuộc địa. Ngày 19- 4-1899, Tổng thống Pháp ra sắc lệnh sáp nhập thêm Lào vào Liên bang Đông Dương. Việt Nam bị chia cắt làm 8 kì: Bắc Kì, Trung Kì và Nam Kì với ba chế độ cai trị khác nhau. Bắc Kì và Trung Kì là hai xứ bảo hộ vẫn còn giữ lại chính quyền phong kiến về hình thức; Nam Kì là đất thuộc địa hoàn toàn do Pháp nắm cùng với Lào và Campuchia cũng là đất bảo hộ của Pháp, hợp thành Liên bang Đông Dương. Với thủ đoạn này, chúng nhằm xóa bỏ tên Việt Nam, Lào, Campuchia trên bản đồ thế giới.

Đứng đầu Liên bang Đông Dương có Toàn quyền, là người thay mặt chính phủ Pháp cai trị Đông Dương về mọi mặt. Dưới Toàn quyền là Thống đốc Nam Kì, Thống sứ Bắc Kì và Khâm sứ ở Trung Kì, Lào, Campuchia.

Cơ quan quyền lực tối cao là Hội đồng tối cao Đông Dương, Chủ tịch Hội đồng là Toàn quyền, các Uỷ viên Hội đồng hầu hết là người Pháp, chỉ có hai người Việt đại biểu cho dân "bản xứ". Các Uỷ viên là giám

đốc các công sở, các viên quan cai trị đứng đầu 5 xứ, chủ sự các Phòng Thương mại và Canh nông...

Hội đồng họp thường kì mỗi năm một lần để bàn bạc và thông qua ngân sách Đông Dương, ngân sách hàng xứ, cùng các công việc do Toàn quyền đề xuất có liên quan đến việc thống trị và khai thác Đông Dương.

Đến năm 1911, đổi thành Hội đồng Chính phủ Dông Dương gồm 23 ủy viên, có 4 người "bản xứ" do Toàn quyền lựa chọn và chỉ định hằng năm (gồm 3 người Việt của 3 xứ và 1 người Campuchia).

Văn phòng Phủ Toàn quyền gồm có các phòng: Chính trị, Hành chính, Quân sự, Nhân sự và Văn thư là cơ quan thường trực của Phủ Toàn quyền kiêm cả công việc đối ngoại và khen thưởng kỉ luật. Các cơ quan khác có Hội đồng phòng thủ Dông Dương thành lập ngày 31-10-1902; ủy ban Tư vấn về mỏ thành lập ngày 26-5-1913; Hội đồng Tư vấn Học chính Đông Dương thành lập ngày 21-12-1917; Sở chỉ đạo công việc chính trị và bản xứ, Sở tình báo An ninh trung ương (tức Sở mật thám)…

Việc củng cố chính quyền Liên bang gắn với việc củng cố chính quyền các xứ Thủ đoạn “chia để trị” là một trong những nguyên tắc chỉ đạo hành động của chúng.

Nam Kì là đất thuộc địa không có quan hệ phụ thuộc vào Nam triều. Ngày 8-2-1880, Tổng thống Pháp ra sắc lệnh thành lập Hội đồng

thuộc địa Nam Kì, quy định rõ chức năng của nó là cơ quan "tư vấn", có thể bàn về thuế má, thu chi..., tuyệt đối không được đề cập đến vấn đề chính trị. Hội đồng thuộc địa có 16 thành viên (10 Pháp, 4 Việt đã vào "làng Tây", nói được tiếng Pháp và một số đại biểu của Phòng Thương mại và Hội đồng Tư vấn).

Giúp việc cho Thống đốc còn có Hội đồng Tư vấn (Thống đốc chủ tọa và *4* ủy viên người Pháp, 2 ủy viên người Việt do Thống đốc chỉ định và 4 ủy viên dự khuyết Hội đồng hình sự (tức Hội đồng tư vấn thêm 2 quan toà, có quyền hạn đối với cả Campuchia và Lào). Ngoài ra còn có Phòng Thương mại thành lập từ năm 1868 và Phòng Canh nông thành lập từ năm 1897 gồm toàn người Pháp. Đây là tổ chức của "Côlông" (người Pháp sang làm ăn ở Đông Dương) lập nên. Hai phòng này được cử một nghị sĩ vào Nghị viện Pháp.

Nam Kì được chia thành 20 tỉnh: Bạc Liêu, Bà Rịa, Bến Tre, Biên Hòa. Cần Thơ, Châu Đốc, Chợ Lớn, Gia Định, Gò Công, Hà Tiên, Long Xuyên, Mỹ Tho, Rạch Giá, Sa Đéc, Sóc Trăng, Tân An, Tây Ninh, Thủ Dầu Một Trà Vinh, Vĩnh Long. Có 2 thành phố: Sài Gòn là thành phố cấp I và Chợ Lớn là thành phố cấp II.

Đứng đầu tỉnh là công sứ người Pháp. Tỉnh nào lớn có thêm phó công sứ giúp việc cho Chánh, Phó Công sứ có Sở Tham biện và Hội đồng hàng tỉnh.

VETHE2.0
By HighKin Pro.
Ebook-nhỏ.vn - Tải Ebooks, tài liệu miễn phí.